

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VĂN HÓA GIÁO DỤC NÔNG
NGHIỆP VINH PHÚC**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VĂN HÓA GIÁO DỤC NÔNG NGHIỆP VINH PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH PHUC SERVICES COMMERCIAL CULTURE EDUCATION AGRICULTURE LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: VP SCEAGRI CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2301250085

3. Ngày thành lập: 30/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Vĩnh Phúc, Xã Phật Tích, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0936106626

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn thực phẩm khác: Bán buôn thực phẩm bao gồm: thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm; (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế (theo điểm đ, khoản 2 Điều 32, Luật Dược 2016, theo mục 1 Chương VI nghị định số 98/2021/NĐ-CP) Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4659

17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn dầu thô - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan bao gồm: + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; + Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác. - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan. (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4669
21.	Trồng lúa	0111
22.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
23.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
24.	Trồng cây mía	0114
25.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
26.	Trồng cây lấy sợi	0116
27.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
29.	Trồng cây hàng năm khác	0119
30.	Trồng cây ăn quả	0121
31.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
32.	Trồng cây điều	0123
33.	Trồng cây hồ tiêu	0124
34.	Trồng cây cao su	0125
35.	Trồng cây cà phê	0126
36.	Trồng cây chè	0127
37.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
38.	Trồng cây lâu năm khác	0129
39.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
40.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
41.	Chăn nuôi gia cầm	0146

42.	Chăn nuôi khác	0149
43.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
44.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
45.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
46.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
47.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
48.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
49.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
50.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
51.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa; - Đại diện cho thương nhân - Ủy thác mua bán hàng hóa - Nhượng quyền thương mại (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	8299
53.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
54.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552(Chính)
55.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
56.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
57.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ các hoạt động nhà nước cấm)	9000
58.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
59.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
60.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
61.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản; - Tư vấn bất động sản; - Quản lý bất động sản (Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
62.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020

63.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế cơ – điện công trình; Thiết kế cấp – thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; Thiết kế xây dựng công trình cấp nước – thoát nước, xử lý chất thải rắn; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều - Giám sát thi công xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; kiểm định xây dựng - Hoạt động hành nghề tu bổ di tích	7110
64.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
65.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
66.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
67.	Quảng cáo	7310
68.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động báo chí)	7320
69.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
70.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: môi giới, tư vấn, đánh giá, xúc tiến chuyển giao công nghệ Chi tiết: - Dịch vụ đánh giá tác động môi trường - Dịch vụ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường - Dịch vụ đánh giá môi trường chiến lược - Dịch vụ lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược - Dịch vụ tư vấn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	7490
71.	Bán buôn tổng hợp (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4690
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
74.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
75.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
76.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

77.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
78.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Bán lẻ xăng dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730
79.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
80.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
81.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
82.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
83.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
84.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
85.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
86.	Sản xuất chè	1076
87.	Sản xuất cà phê	1077
88.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
89.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
90.	Sản xuất rượu vang	1102
91.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
92.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
93.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
94.	In ấn	1811
95.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
96.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc)	2100
97.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
98.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
99.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
100.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
101.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
102.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
103.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
104.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785

105.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá Tài sản)	4789
106.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
107.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá Tài sản)	4799
108.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
109.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
110.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
111.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Logistics. (Không bao gồm các hoạt động hỗ trợ liên quan đến đường không và không bao gồm hoạt động Môi giới thuê tàu biển và máy bay)	5229
113.	Chuyển phát	5320
114.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
115.	Cơ sở lưu trú khác	5590
116.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
117.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Trừ suất ăn hàng không)	5621
118.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
119.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
120.	Xuất bản sách (Trừ hoạt động báo chí và hoạt động của nhà xuất bản)	5811

121.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ (Trừ hoạt động báo chí và hoạt động của nhà xuất bản)	5812
122.	Hoạt động xuất bản khác (Trừ hoạt động báo chí và hoạt động của nhà xuất bản)	5819
123.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
124.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động cơ sở sản xuất phim điện ảnh; cơ sở dịch vụ sản xuất phim; cơ sở in sang nhân bản phim; cơ sở cho thuê phim; (Trừ hoạt động sản xuất Chương trình truyền hình)	5911
125.	Hoạt động hậu kỳ (Trừ hoạt động truyền hình)	5912
126.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Loại trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
128.	Đại lý du lịch	7911
129.	Điều hành tua du lịch	7912
130.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
131.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
132.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
133.	Xây dựng nhà để ở	4101
134.	Xây dựng nhà không để ở	4102
135.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
136.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
137.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
138.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
139.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
140.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4741
141.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
142.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

143.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4752
144.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4753
145.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4759
146.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại nhà nước cấm)	4761
147.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ các loại nhà nước cấm)	4762
148.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
149.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
150.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
151.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; - Bán lẻ dụng cụ y tế trang thiết bị y tế (theo mục 1 Chương VI nghị định số 98/2021/NĐ-CP) - Bán lẻ thuốc (Điều 38 Nghị định 54/2017/NĐ-CP) - Bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (Khoản 5 Điều 31 Nghị định 54/2017/NĐ-CP)	4772
152.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ các hàng hóa cấm, loại trừ bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tiền kim khí; tem và vàng trang sức; Loại trừ hoạt động đấu giá)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHAN QUỐC BẢO	Việt Nam	P405-E1, phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.590.000.000	51,000	001093000303	
2	NGUYỄN VĂN THỂ	Việt Nam	Thôn Đại Hà, Xã Hà Kỳ, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	4.410.000.000	49,000	030088011355	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN QUỐC BẢO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001093000303

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P405-E1, phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P405-E1, phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh